

TÔN GIÁO - VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU TÔN GIÁO

TRẦN LÂN THƯ - TRẦN HÀ^(*)

Các ngành khoa học hay các bộ môn khoa học khác nhau khi khảo sát các đối tượng nghiên cứu của mình đều phải thông qua những phương pháp nhất định để đạt tới và hoàn thành mục đích nghiên cứu của mình. Mao Trạch Đông đã chỉ ra: “Chúng ta không những phải nêu ra nhiệm vụ, mà còn phải giải quyết vấn đề phương pháp hoàn thành nhiệm vụ. Nhiệm vụ của chúng ta là qua sông, nhưng không có cầu hoặc không có thuyền thì không thể qua được. Không giải quyết vấn đề cầu hoặc thuyền, thì việc qua sông chỉ là nói suông. Không giải quyết vấn đề phương pháp, nhiệm vụ thì cũng chỉ là chuyện phiem một hồi mà thôi”.

Mọi khoa học xã hội, để đạt được mục đích nghiên cứu và hoàn thành nhiệm vụ của mình, cần phải vận dụng ba loại phương pháp nghiên cứu tư duy có liên quan với nhau nhưng không cùng thứ bậc sau đây: Một là phương pháp nghiên cứu chuyên biệt của bộ môn khoa học cụ thể, hai là phương pháp nghiên cứu trung gian của tư duy lôgic, ba là phương pháp nghiên cứu vĩ mô có tính chỉ đạo của quan điểm duy vật lịch sử. Quan hệ thứ bậc của ba loại phương pháp nghiên cứu này là cá biệt, đặc thù và phổ biến. Trong lĩnh vực nghiên cứu tôn giáo cũng cần vận dụng ba loại phương pháp nghiên cứu tư duy không cùng thứ bậc này, và

thống nhất chúng lại với nhau, để tiến hành nghiên cứu hệ thống một cách hoàn chỉnh vừa có phân tích cụ thể vừa có quy nạp tổng hợp và khái quát lý luận.

I. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU CHUYÊN BIỆT CỦA CÁC BỘ MÔN CỤ THỂ

Từ cổ xưa đến nay, hiện tượng tôn giáo luôn luôn can thiệp hết sức rộng lớn vào các lĩnh vực và các tầng diện khác nhau của đời sống con người. Bởi vậy, cần phải nghiên cứu và nhận thức toàn diện tôn giáo, cần phải tiến hành nghiên cứu tôn giáo từ nhiều chiều cạnh khác nhau, điều này cần phải từ các phương pháp cụ thể của chuyên ngành này mà nghiên cứu, phải từ các góc độ khác nhau để mổ xẻ phân tích hiện tượng tôn giáo. Loại phương pháp cơ bản có tính khoa học cụ thể này đại thể gồm có: phương pháp sử học, phương pháp triết học, phương pháp xã hội học, phương pháp tâm lý học, phương pháp nhân loại học, phương pháp luân lý học, phương pháp văn hóa học, phương pháp dân tộc học, phương pháp

^{*} Trích trong cuốn “*Những nguyên lý tôn giáo học*”, Trần Lâm Thư và Trần Hà (chủ biên). Nxb. Văn hóa tôn giáo ấn hành lần thứ 3 tháng 10 năm 2005 (bản tiếng Trung). Cuốn sách này được Bộ Giáo dục Trung Quốc quyết định dùng làm giáo trình khoa học xã hội cho các trường cao đẳng và đại học trên toàn quốc.

địa lí học, phương pháp sinh thái học, phương pháp thần học và phương pháp bình luận học, v.v... Thông qua việc sử dụng rộng rãi các phương pháp nghiên cứu có tính khoa học này, xác lập các phân ngành tôn giáo học tương đối độc lập khác nhau trong nghiên cứu tôn giáo, xây dựng được hệ thống khoa học tôn giáo.

Tôn giáo là một loại hiện tượng lịch sử của xã hội loài người, có truyền thống lịch sử rất lâu đời. Sự nảy sinh, tồn tại, phát triển và biến hóa của nó đều cần dùng phương pháp tư duy của sử học để nghiên cứu. Hơn nữa, chỉ có trước tiên nghiên cứu toàn bộ quá trình phát triển lịch sử mà các tôn giáo trải qua, thì mới có thể nhận thức được bản thân tôn giáo, mới có thể trên cơ sở đó triển khai nghiên cứu các phương diện khác của tôn giáo. Do đó, các chuyên ngành của tôn giáo học ban đầu đều xuất hiện với diện mạo của sử học tôn giáo. Đến tận hôm nay, tổ chức khoa học ngành tôn giáo học quốc tế vẫn còn mang cái tên "Hội Lịch sử Tôn giáo thế giới". Sử học tôn giáo vừa là phân ngành của sử học, cũng vừa là phân ngành của tôn giáo học. Nghiên cứu của nó, một là, nghiên cứu bao quát cả sử liệu và hiện thực lịch sử tôn giáo, ví dụ như những văn hiến văn vật của lịch sử, kinh thánh kinh điển của tôn giáo, truyện kí nhân vật tôn giáo, câu chuyện tôn giáo, truyền thuyết thần thoại, văn khấn và âm nhạc tôn giáo. Nghiên cứu những sử liệu này nói chung có liên quan mật thiết với sử học, ngôn ngữ học và khảo cổ học, thường thường còn phải nhờ vào cổ ngữ học tôn giáo, khảo cổ học tôn giáo để triển khai nghiên cứu. Hơn nữa, còn phải kết hợp với lịch sử kinh tế, lịch sử chính trị và lịch sử văn hóa, lịch sử tư duy và lịch sử phong tục tập quán của nhân loại để

nghiên cứu, nhằm đạt đến mục đích giám định và nhận thức sự thực lịch sử, sử liệu tôn giáo một cách khách quan và chuẩn xác. Hai là, trên cơ sở nghiên cứu sử liệu và thực tiễn tôn giáo tiến thêm một bước nghiên cứu nguồn mạch phát triển lịch sử tôn giáo. Nghiên cứu của nó bao gồm những nghiên cứu tổng hợp, phân loại phân kì đối với lịch sử các chế độ xã hội, các quốc gia, các khu vực, các dân tộc, các tôn giáo khác nhau từ cổ xưa tới nay, từ đó đưa ra những thuyết minh phù hợp với thực tiễn lịch sử nhất về những nhân tố chủ quan và khách quan đối với sự phát triển biến hóa của tôn giáo. Ba là, trên cơ sở nghiên cứu lịch sử quá trình phát triển của tôn giáo, làm nổi bật lên những nguyên lí chung của sử học tôn giáo và những lí luận khái quát về phương pháp, đi vào nghiên cứu lịch sử sự phát triển của bản thân sử học tôn giáo. Điều này rất cần thiết cho việc tiến hành tối ưu hóa nghiên cứu và quy phạm hóa đối với lịch sử tôn giáo. Nhưng những nghiên cứu về phương diện này đến nay vẫn chưa được triển khai. Tóm lại, nghiên cứu sử học tôn giáo là vô cùng quan trọng đối với việc nghiên cứu hiện tượng tôn giáo. Có thể nói như thế này, không có nghiên cứu lịch sử tôn giáo thì không có sự ra đời của bộ môn tôn giáo học. Bởi vậy, sử học tôn giáo là bộ môn cơ sở của tôn giáo học.

Tôn giáo là hiện tượng xã hội có ảnh hưởng và có tính xã hội rộng lớn. Nó ảnh hưởng đến các lĩnh vực và tầng diện của đời sống xã hội con người, trong đó bao gồm đời sống kinh tế, đời sống chính trị, đời sống văn hóa và tập tục sinh hoạt thường nhật. Vì thế, cần phải từ góc độ và phương pháp của xã hội học mà nghiên cứu tôn giáo - cái hiện tượng xã hội rộng lớn này, và do đó mà hình thành

nên một bộ môn phân ngành quan trọng của tôn giáo học. Xã hội học tôn giáo nghiên cứu các phương diện của đời sống xã hội, hầu như bất cứ hoạt động tôn giáo nào cũng đều có liên hệ chặt chẽ với xã hội học tôn giáo. Nhưng khái quát lại, chúng tôi cho rằng, lĩnh vực nghiên cứu của xã hội học tôn giáo chủ yếu bao gồm mấy phương diện dưới đây: Một là, nghiên cứu mối quan hệ giữa tôn giáo với các nhân tố khác trong xã hội và ảnh hưởng qua lại của chúng, trong đó có mối quan hệ giữa tôn giáo với kinh tế, chính trị, văn hóa. Hai là, nghiên cứu mối quan hệ giữa tôn giáo với giai cấp, giai tầng, đoàn thể, gia đình, đồng thời cũng nghiên cứu tính tương quan giữa tôn giáo với các thành viên xã hội trên các phương diện nghề nghiệp khác nhau, giới tính khác nhau, chủng tộc khác nhau, giáo phái khác nhau và tuổi tác khác nhau. Ba là, nghiên cứu tác dụng xã hội của các loại hiện tượng và các loại công năng của tôn giáo. Xã hội học tôn giáo có hai loại nghiên cứu khác nhau về loại hình: một loại là nghiên cứu có tính vĩ mô, thuộc nghiên cứu xã hội học tôn giáo mang tính kết cấu chung; một loại là nghiên cứu có tính vi mô, thuộc nghiên cứu xã hội học tôn giáo mang tính chuyên đề cụ thể, xã hội học giáo phái chính là thuộc loại nghiên cứu chuyên đề này. Phương pháp nghiên cứu cơ bản của xã hội học tôn giáo là điều tra xã hội, trong đó bao gồm điều tra thực địa điển dã, điều tra thực địa hoạt động tôn giáo, cũng bao gồm cả điều tra di tích tôn giáo và văn hiến tôn giáo, nhưng cần phải chú tâm nhiều hơn vào điều tra xã hội của vấn đề hiện thực tôn giáo. Cho nên có người gọi xã hội học tôn giáo là chuyên ngành nghiên cứu vấn đề hiện thực tôn giáo.

Chúng ta không chỉ cần phải nghiên cứu hiện tượng tôn giáo ra đời từ khi có nền văn minh nhân loại đến nay, mà phải tìm hiểu và nghiên cứu hiện tượng tôn giáo của người nguyên thủy trước khi có nền văn minh nhân loại, chỉ có như vậy mới hiểu được toàn bộ quá trình lịch sử tôn giáo nhân loại, và từ trong thực tiễn lịch sử tôn giáo lâu dài ấy mà tìm ra tính quy luật của sự phát triển biến hóa của nó. Nhân loại học tôn giáo chính là bộ môn chuyên ngành tập trung vào nghiên cứu tôn giáo nguyên thủy của con người buổi ban đầu, nghiên cứu của nó được tiến hành một cách tổng hợp với cổ nhân loại học, dân tộc học và xã hội học, trên thực tế nó là một loại xã hội học tôn giáo với nghĩa hẹp. Do sử liệu tôn giáo thời nguyên thủy rất ít, đặc biệt là sử liệu tôn giáo thời tiền sử thì lại càng ít, cho nên nghiên cứu nó gặp khó khăn rất lớn. Chính vì thế, nghiên cứu vấn đề này, cho đến nay vẫn dừng ở tín ngưỡng tôn giáo của "dân cư bản địa" thời chưa có chữ viết, và nó cũng trở thành đối tượng nghiên cứu chủ yếu của nhân loại học tôn giáo. Đây chính là dùng phương pháp nhân loại học văn hóa để nghiên cứu các tôn giáo mang đậm tính chất nguyên thủy vẫn còn tồn tại đến ngày nay. Cách nghiên cứu này có thể chia thành hai loại hình: một loại là nghiên cứu tôn giáo nguyên thủy hiện còn tồn tại cụ thể ở một bộ tộc, một dân tộc, một khu vực nào đó; một loại khác là trên cơ sở nghiên cứu của loại trên, sử dụng hàng loạt phạm trù để khái quát về lý luận đối với các hiện tượng tôn giáo nguyên thủy hiện còn tồn tại. Nhiệm vụ của nhân loại học tôn giáo là chỉ ra cho nghiên cứu tôn giáo nguyên thủy một mô thức phù hợp với quá trình lịch sử, điều này vô cùng quan trọng đối

với việc tìm hiểu nguồn gốc, trạng thái và bối cảnh xã hội của tôn giáo nguyên thủy của nhân loại buổi ban đầu, cho nên nó cũng trở thành một bộ môn phân ngành của tôn giáo học.

Sự ra đời, tồn tại và phát triển biến hóa của tôn giáo không chỉ có các loại liên hệ với kinh tế, chính trị, văn hóa của xã hội, mà còn có nhân tố tâm lí rất quan trọng của nó. Bởi vậy, cần phải từ góc độ tâm lí học và phương pháp của nó để nghiên cứu hiện tượng tôn giáo, từ đó hình thành nên bộ môn tâm lí học tôn giáo. Nghiên cứu của nó đại thể bao gồm bốn phương diện: một là, nghiên cứu ý thức tôn giáo, trong đó bao gồm nghiên cứu bản chất của ý thức tôn giáo, nguyên nhân ban đầu của tâm lí tôn giáo, tình cảm tôn giáo và mô thức phát triển tâm lí tôn giáo, v.v...; hai là, nghiên cứu những thể nghiệm tôn giáo, trong đó bao gồm nghiên cứu bản chất, yếu tố, loại hình và hiệu quả của tâm lí cầu nguyện và tâm lí quy y tôn giáo, nghiên cứu sự thể nghiệm thần bí của hiện tượng xuất thần, nhập thần, ma ám, hồn nhập, v.v... của tâm lí tôn giáo, nghiên cứu sự bồi dưỡng, những nhân tố và bản chất của tâm lí tín ngưỡng và sùng bái, v.v...; ba là, nghiên cứu những biến thái khác nhau của tâm lí tôn giáo, trong đó bao gồm nghiên cứu ý thức về mang tội và ý thức về lương tri, ý thức về thiện ác, ý thức về nhân ái và oán hận, ý thức về hạnh phúc và khổ nạn, ý thức về lợi kỉ lợi tha, v.v... trong quá trình tín ngưỡng tôn giáo; bốn là, nghiên cứu công năng tâm lí tôn giáo, trong đó bao gồm nghiên cứu những nguyên nhân và ảnh hưởng của nhân tố tích cực và tiêu cực của tâm lí tôn giáo, nghiên cứu ý nghĩa của việc chữa bệnh bằng tín ngưỡng và quan hệ của nó với việc điều

trị, nghiên cứu mối quan hệ giữa ý thức tôn giáo với bệnh thái tinh thần, v.v... Tất cả những nghiên cứu nói trên đều phải được tiến hành thông qua biện pháp trắc nghiệm tâm lí và điều tra tâm lí xã hội.

Thượng Đế và thần minh tuy là hạt nhân của tôn giáo, nhưng cái có tác dụng xã hội tương ứng lại chính là đạo đức tôn giáo. Thượng Đế sở dĩ vĩ đại, là vì Thượng Đế không chỉ là hóa thân của đấng sáng tạo ra vạn vật, mà còn là tượng trưng và thể hiện của cái chân thiện mỹ, bởi thế chính Thượng Đế cũng trở thành suối nguồn sức mạnh đạo đức của người tín ngưỡng. Loại sức mạnh đạo đức được thần thánh hóa này đóng vai trò cực kì quan trọng trong phương diện quy phạm hành vi của người tín ngưỡng, thậm chí có tác dụng là luật pháp thần thánh. Nghiên cứu phương diện này, chúng ta cần phải dùng phương pháp luân lí học, tức là vận dụng phạm trù và khái niệm của luân lí học để nghiên cứu đạo đức tôn giáo. Vấn đề này đại thể bao gồm nội dung của ba phương diện dưới đây: một là, nghiên cứu tầng bậc kết cấu của đạo đức tôn giáo, làm rõ mối quan hệ tương hỗ giữa đạo đức tôn giáo với đạo đức thế tục, chỉ ra sự giống và khác nhau giữa chúng và sự ảnh hưởng lẫn nhau giữa chúng, nêu ra những đặc trưng cơ bản của đạo đức tôn giáo; hai là, thông qua một loạt những phạm trù đạo đức tôn giáo, từ ý nghĩa luân lí làm sáng rõ nội hàm cơ bản về phương diện luân lí đạo đức của đạo đức tôn giáo như nhân sinh quan, quan niệm về cái thiện cái ác, quan niệm về giới tính, tình yêu, hôn nhân, quan niệm về chiến tranh, hòa bình, quan niệm về khổ đau, quan niệm về công lợi, v.v...; ba là, phải làm sáng rõ sự phát triển biến hóa của đạo đức tôn giáo

trong tiến trình lịch sử xã hội và tác dụng xã hội của nó, trình bày một cách thật khách quan và thực sự cầu thị tác dụng tích cực và tiêu cực của đạo đức tôn giáo, đặc biệt phải nghiên cứu tác dụng hiện thực của đạo đức tôn giáo trong xã hội đương đại.

Trong xã hội có giai cấp, tôn giáo có tính chính trị rất mạnh. Trong cái vòng xoáy của đấu tranh chính trị xã hội, chỉ cần có nhu cầu về phương diện chính trị, các giai cấp khác nhau, giai tầng khác nhau, tập đoàn xã hội khác nhau, dân tộc khác nhau, quốc gia khác nhau đều biết phát động tôn giáo, nhằm thu hút sự ủng hộ đắc lực của các tổ chức tôn giáo vốn có sức hiệu triệu thần thánh để tiến hành hoạt động chính trị có lợi cho mình. Bởi vậy, trong vòng xoáy chính trị tôn giáo thường trở thành công cụ của đấu tranh giai cấp và đấu tranh chính trị. Vấn đề này cần phải có góc nhìn và phương pháp của chính trị học để nghiên cứu riêng về đời sống chính trị của tôn giáo và tác dụng chính trị của nó đối với xã hội, đây chính là môn chính trị học tôn giáo. Nội dung nghiên cứu của nó đại thể bao gồm bốn phương diện dưới đây: một là, nghiên cứu hoàn cảnh, trạng thái đấu tranh chính trị của tôn giáo ở các thời kì lịch sử khác nhau, trong các chế độ xã hội khác nhau, mối quan hệ chính trị giữa tôn giáo với các giai cấp khác nhau, các giai tầng khác nhau, các tập đoàn xã hội khác nhau; hai là, phải làm rõ tác dụng xã hội của chức năng chính trị mà tôn giáo thể hiện trong đấu tranh chính trị ở các thời kì lịch sử nhân loại khác nhau, chế độ xã hội khác nhau; ba là, phải nghiên cứu mối quan hệ giữa đấu tranh của các giáo phái khác nhau với đấu tranh chính trị xã hội, đấu tranh dân tộc, đặc biệt phải nghiên

cứu hiện thực này trong xã hội đương đại; bốn là, phải tổng kết các hình thức chính trị khác nhau mà tôn giáo sử dụng trong đấu tranh chính trị và những nhân tố xã hội phát triển biến hóa của nó.

Tôn giáo với tư cách là một hiện tượng văn hóa, những ảnh hưởng của nó đối với xã hội là rất rộng lớn và sâu xa. Tôn giáo trong xã hội nguyên thủy không chỉ là tổng thể văn hóa của người nguyên thủy, mà còn là phương thức tư duy của người nguyên thủy để giải thích hiện tượng tự nhiên và hiện tượng xã hội. Đúng như Engels đã nói, tôn giáo là hình thái ý thức xã hội có khả năng duy nhất của con người nguyên thủy. Tôn giáo cổ đại có ảnh hưởng hết sức lớn lao đối với khoa học, luân lí đạo đức, văn học nghệ thuật, tư tưởng triết học, giao lưu văn hóa giữa các dân tộc và thúc đẩy sự phát triển năng lực tư duy của con người, có cống hiến to lớn cho sự phát triển văn minh, văn hóa của loài người. Tôn giáo là một hiện tượng văn hóa, một khi nó hòa quyện làm một với quy phạm hành vi, tập tục đời sống của dân tộc thì cái tín ngưỡng tôn giáo ấy sẽ in dấu ấn rất sâu đậm vào văn hóa của dân tộc đó. Với hiện tượng văn hóa tôn giáo nói trên cần phải dùng phương pháp văn hóa học để tiến hành nghiên cứu một cách hệ thống, sâu rộng, đây chính là bộ môn văn hóa học tôn giáo. Nội dung nghiên cứu của văn hóa học tôn giáo đại thể bao gồm bốn phương diện sau: một là, nghiên cứu mối quan hệ giữa văn hóa tôn giáo với văn hóa thế tục, chỉ ra sự khác biệt, liên hệ và tác động lẫn nhau giữa chúng, trình bày những đặc trưng cơ bản của tôn giáo; hai là, nghiên cứu ảnh hưởng của văn hóa tôn giáo đối với các phương diện của văn hóa nhân loại ở các thời kì lịch sử khác

nhau, chế độ xã hội khác nhau trong lịch sử nhân loại và những nguyên nhân lịch sử xã hội của nó: ba là, nghiên cứu tính quy luật biến thiên lịch sử, công năng văn hóa tôn giáo, chỉ ra mặt tích cực và mặt tiêu cực của công năng văn hóa tôn giáo trong quá trình diễn biến lịch sử; bốn là, nghiên cứu sự ảnh hưởng và xung đột của văn hóa cận hiện đại đối với văn hóa tôn giáo, nhất là phải nêu ra được công năng giải thích của văn hóa tôn giáo tất nhiên sẽ bị văn hóa khoa học thế tục dần dần thay thế, từ đó làm sáng tỏ xu thế và tính chất của văn hóa tôn giáo sẽ dần dần thích ứng với văn hóa thế tục hiện đại.

Tính đa nguyên của tôn giáo và hình thái lịch sử của nó có liên quan tới hoàn cảnh xã hội: kinh tế, chính trị, văn hóa của các tôn giáo ở khu vực khác nhau, đồng thời cũng liên quan cả với hoàn cảnh tự nhiên mà tôn giáo đó dựa vào để sinh tồn, nó cũng còn liên quan cả với khuynh hướng khu vực mà các tôn giáo truyền bá, cũng như khuynh hướng thiên di của các cộng đồng tín đồ tôn giáo, từ đó hình thành nên mối quan hệ về không gian khu vực địa lý của các loại hình tôn giáo khác nhau. Nghiên cứu về vấn đề này, cần phải vận dụng phương pháp liên quan đến địa lý học, vì thế mà môn địa lý học tôn giáo đã ra đời. Địa lý học tôn giáo là một bộ môn nghiên cứu quan hệ tương hỗ giữa tôn giáo với không gian địa lý, tức là nghiên cứu hiện tượng khu vực của tôn giáo, là một bộ môn phân ngành còn rất non trẻ của tôn giáo học. Hiện nay, bộ môn này không chỉ thiếu về tư liệu, mà những nhà nghiên cứu về phương diện này cũng còn rất thiếu, ở Trung Quốc lại càng như vậy. Mặc dù địa lý học tôn giáo còn chưa hình thành hệ thống quy phạm

hóa, nhưng phương hướng và mục đích nghiên cứu chủ yếu thì đã rõ ràng. Những vấn đề mà địa lý học tôn giáo nghiên cứu chủ yếu gồm bốn phương diện dưới đây: một là, dùng phương pháp địa lý học xã hội để mô tả sự phân bố khu vực của các tín đồ, đền chùa, nhà thờ, thánh địa, tổ chức tôn giáo, để từ những số liệu thống kê sự phân bố đó mà tìm ra nhân tố có ý nghĩa xã hội; hai là, dùng phương pháp địa lý học lịch sử, đưa ra sự phân bố và biến động của tôn giáo ở các không gian khu vực thế giới trong các thời kỳ lịch sử khác nhau, mô tả trạng huống động thái thiên di của các quần thể tôn giáo, vạch ra khuynh hướng khu vực mà tôn giáo truyền bá, để từ trong động thái lịch sử của tôn giáo mà tìm ra những nhân tố có ý nghĩa mang tính quy luật và xu thế phát triển của nó; ba là, dùng phương pháp địa lý học nhân khẩu để nghiên cứu tính tương quan giữa tín ngưỡng tôn giáo với tình trạng tập trung dân cư, tình trạng việc làm của dân cư, tổ chức văn hóa của dân cư, tình trạng giới tính của dân cư, tình trạng tuổi tác của dân cư, v.v...; bốn là, dùng phương pháp địa lý học sinh thái để nghiên cứu sự ảnh hưởng của địa hình địa mạo, khí hậu và khí tượng, cảnh quan và tai biến cũng như toàn bộ hoàn cảnh sinh thái đối với tôn giáo. Hiện nay, nghiên cứu về địa lý học sinh thái, có học giả xem là một bộ môn độc lập và gọi nó là sinh thái học tôn giáo.

Từ hình thái ý thức mà nói, tôn giáo là một loại thể giới quan nhất định, thần học tôn giáo chính là thể giới quan tôn giáo được lí luận hóa và hệ thống hóa. Thần học tôn giáo có ảnh hưởng mang tính quyết định đối với tổ chức của tôn giáo, nó cũng có ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với sự tồn tại và phát triển của

tôn giáo. Bởi vậy, nghiên cứu thần học tôn giáo chiếm một vai trò hết sức quan trọng trong tôn giáo học. Nghiên cứu thế giới quan tôn giáo cần phải dùng phương pháp của triết học, tức là vận dụng phạm trù triết học để khái quát nội hàm cơ bản của thế giới quan tôn giáo, đây chính là triết học tôn giáo. Nội dung cơ bản của triết học tôn giáo đại thể bao gồm năm phương diện sau đây: một là, nghiên cứu tư tưởng bản thể luận của thế giới quan tôn giáo, tức là nghiên cứu mệnh đề cơ bản và phạm trù cơ bản của vũ trụ quan thần học tôn giáo, nói rõ quan điểm cơ bản của thần học tôn giáo về quan hệ giữa thần và người; hai là, nghiên cứu quan điểm xã hội của thần học tôn giáo, tức là nghiên cứu phạm trù cơ bản của quan điểm xã hội trong thần học tôn giáo, nói rõ quan điểm xã hội của thần học tôn giáo về vấn đề mối quan hệ giữa con người với xã hội nhân loại; ba là, nghiên cứu nhân sinh quan của thần học tôn giáo, tức là nghiên cứu phạm trù cơ bản của mối quan hệ giữa thần và con người, tiến tới chỉ ra quan điểm cơ bản của thần học tôn giáo trong quan hệ giữa thần với người, và thái độ xử thế của nó; bốn là, nghiên cứu quan niệm chân lí của thần học tôn giáo, tức là nghiên cứu phạm trù cơ bản của mối quan hệ giữa thần với con người nhận thức chân lí, tiến tới nêu ra quan điểm cơ bản của tôn giáo về vấn đề chủ thể và khách thể, chủ quan và khách quan trong lĩnh vực nhận thức luận; cuối cùng, triết học tôn giáo còn phải tiến hành phân tích so sánh giữa thế giới quan tôn giáo với thế giới quan thế tục, thế giới quan khoa học, để từ đó đưa ra những kết luận chính xác, khoa học.

Mối quan hệ giữa tôn giáo với dân tộc là hết sức mật thiết, có tôn giáo bản thân

nó chính là tôn giáo dân tộc, vì thế cần thiết phải lấy phương pháp nghiên cứu của dân tộc học để nghiên cứu hiện tượng dân tộc tôn giáo và quan niệm tín ngưỡng của nó, đây chính là dân tộc học tôn giáo, tức là, dùng phương pháp và quan điểm của dân tộc học để nghiên cứu, giải thích công năng, lịch sử và biến chuyển của hiện tượng dân tộc tôn giáo và quan hệ tương hỗ giữa tôn giáo và dân tộc. Bởi vậy, một mặt, phải nghiên cứu sự kết hợp ra làm sao của tôn giáo với dân tộc, và cả sự thần thánh hóa của tôn giáo đối với dân tộc; mặt khác, cần phải nghiên cứu sự điều chỉnh, làm phong phú, dân tộc hóa của dân tộc đối với tôn giáo, cũng như sự tiếp xúc kế thừa lẫn nhau giữa chúng; đồng thời còn phải nghiên cứu sự biến thiên của dân tộc tôn giáo và nội dung các phương diện chức năng của nó đối với các quy phạm xã hội. Dân tộc học tôn giáo cần phải tập trung nghiên cứu bốn loại hình thức chủ yếu dưới đây: một là, dân gian tập tục hóa của tín ngưỡng tôn giáo, quan niệm tôn giáo, khiến cho hiện tượng tôn giáo diễn biến thành hiện tượng dân tộc tôn giáo với sự kết hợp của hình thức tôn giáo và nội dung dân tộc; hai là, tôn giáo sử dụng hoạt động dân tộc vốn có, đưa những quan niệm tôn giáo vào trong những hoạt động dân tộc vốn có ấy, và diễn biến trở thành hiện tượng dân tộc tôn giáo với sự kết hợp của hình thức dân tộc và nội dung tôn giáo; ba là, quan niệm và hành vi tôn giáo trong quá trình vận hành đã hợp lưu với dân tộc, hai cái hỗ trợ bổ sung cho nhau, và hòa nhập với nhau thành hiện tượng dân tộc tôn giáo; bốn là, tôn giáo và dân tộc có cùng một nguồn gốc, từ đó hình thành hiện tượng dân tộc tôn giáo mà tôn giáo và dân tộc cùng sản sinh, cùng lưu truyền bên nhau.

Trong nghiên cứu tôn giáo, phương pháp nghiên cứu của thần học là vô cùng quan trọng. Nếu chúng ta gọi tất cả các phương pháp nghiên cứu của các bộ môn cụ thể nói trên là phương pháp nghiên cứu có tính khách thể, tức là xem tôn giáo như là một loại đối tượng nghiên cứu khách quan, thì phương pháp nghiên cứu của thần học có thể được gọi là phương pháp nghiên cứu có tính chủ thể. Nếu phương pháp nghiên cứu có tính khách thể là “quan chủ lực” của nghiên cứu tôn giáo, thì nghiên cứu thần học cũng không kém, nó cũng là một “phương diện quan” quan trọng. Nhìn về lịch sử, thời kì cổ đại (bao gồm trung cổ và cận cổ) nghiên cứu tôn giáo chủ yếu là nghiên cứu có tính chủ thể, đã để lại cho chúng ta những tư liệu lịch sử vô cùng quý báu, cống hiến to lớn cho sự nghiệp nghiên cứu tôn giáo, đó là sự thực lịch sử không thể phủ nhận. Còn nghiên cứu tôn giáo mang tính khách thể thì có thời gian không dài, chỉ mới chưa đầy 200 năm lịch sử. Nếu không có nghiên cứu tôn giáo mang tính chủ thể trước đây, thì hiện nay cũng không có nghiên cứu sử học tôn giáo. Nghiên cứu tôn giáo của thời hiện đại tuy là nghiên cứu mang tính khách thể là chính, nhưng cũng không thể bỏ qua nghiên cứu mang tính chủ thể của tôn giáo. Bởi vì: Thứ nhất, các nhà thần học dùng lập trường, quan điểm, phương pháp của thần học tôn giáo để nghiên cứu tôn giáo, tuy có tính phiến diện nhất định của lập trường chủ quan, nhưng có ưu thế trực tiếp được sống trong môi trường nghiên cứu, có thể cung cấp những tư liệu cần thiết, chân thực và xác đáng cho nghiên cứu tôn giáo mang tính khách thể, hỗ trợ đắc lực cho nghiên cứu mang tính khách thể của tôn giáo. Thứ hai, các nhà

thần học tiến hành nghiên cứu mang tính chủ thể đối với tôn giáo, cũng phải tuân theo sự thực khách quan đã có, không thể tùy ý tự tạo, bịa đặt ra, nếu tùy ý tự tạo ra thì sẽ không thuộc về phạm trù của nghiên cứu tôn giáo, trong đó bao gồm nghiên cứu mang tính chủ thể. Ví dụ, cuốn *“Lịch sử Giáo hội Kitô giáo”*, tác phẩm nổi tiếng của Williston Walker (1860 - 1920), nhà thần học nổi tiếng thế giới, nổi tiếng vì tính trung thực lịch sử của nó, cho nên được công nhận là tác phẩm có giá trị học thuật nhất trong lĩnh vực lịch sử giáo hội. Bản thân những thành quả nghiên cứu loại tương tự như vậy bao giờ cũng tràn đầy những nhân tố nghiên cứu mang tính khách thể của tôn giáo. Thứ ba, so sánh tôn giáo với các hình thái ý thức xã hội khác, thì nó là một loại hình thái ý thức xã hội đặc thù thừa nhận lực lượng siêu tự nhiên, siêu nhân gian. Nhưng hình thái ý thức xã hội của tôn giáo cũng không phải là nhất thành bất biến, nó cũng chịu sự ảnh hưởng của sự phát triển kinh tế, chính trị, văn hóa của xã hội, từ đó mà nảy sinh những sự biến đổi tương ứng. Những sự biến đổi này được biểu hiện ra chủ yếu thông qua những trào lưu tư tưởng được trình bày trong tác phẩm thần học của các nhà thần học. Ví dụ, phong trào *Thần học giải phóng* của Công giáo được bùng phát ra chủ yếu thông qua tác phẩm nổi tiếng *Thần học giải phóng* của Gustavo Gutiérrez Merino, nhà thần học nổi tiếng thế giới người Pêru. Bởi vậy, những tác phẩm thần học của các nhà thần học đã cung cấp tư liệu quý báu cho nghiên cứu mang tính khách thể đối với tôn giáo. Không có những tác phẩm thần học của các nhà thần học cũng sẽ rất khó cho việc nghiên cứu mang tính khách thể đối với

tôn giáo. Chính vì nghiên cứu mang tính chủ thể có tính chất quan trọng như các phương diện nói trên, cho nên Trung Quốc đã chính thức xác nhận ba đội ngũ quan trọng nghiên cứu tôn giáo là: đội ngũ nghiên cứu kiểu học giả, đội ngũ nghiên cứu gồm những người làm công tác tôn giáo kiểu thực tiễn, đội ngũ nghiên cứu gồm các chức sắc tôn giáo kiểu thần học, đây là một lực lượng nghiên cứu tôn giáo có tính lập thể. Tập hợp những điểm mạnh của ba đội ngũ nghiên cứu tôn giáo này tất sẽ có những đóng góp to lớn trong lĩnh vực nghiên cứu tôn giáo.

Bình luận học tôn giáo cũng là một trong những phương pháp chuyên ngành của nghiên cứu tôn giáo. Nội dung của nó chủ yếu đến từ ba phương diện dưới đây: một là, đến từ tranh luận và phê phán lẫn nhau giữa vô thần luận và hữu thần luận, giữa tôn giáo và phản tôn giáo; hai là, đến từ sự tranh luận và phê bình lẫn nhau giữa các giáo phái khác nhau trong nội bộ tôn giáo; ba là, đến từ tranh luận và phê bình lẫn nhau giữa những quan điểm khác nhau của những người vô thần luận và phản tôn giáo khi họ phê phán hữu thần luận và tôn giáo. Nó bao gồm cả cuộc đấu tranh đan xen hết sức phức tạp của hình thái ý thức với phương pháp luận duy tâm, phép biện chứng với phép siêu hình, v.v..., từ xã hội văn minh cổ đại đến nay, nó luôn luôn hiện diện và tạo thành một bức tranh liên hoàn phong phú nhiều màu sắc. Chẳng hạn như cuộc đấu tranh của vô thần luận với hữu thần luận ở Tây Âu, cuộc đấu tranh của Kitô giáo với tín đồ dị giáo, cuộc đấu tranh của khoa học với thần học trong nội bộ Kitô giáo; cuộc

luận chiến của vô thần luận với hữu thần luận ở Trung Quốc, cuộc đấu tranh lẫn nhau lâu dài của Nho, Thích, Đạo và sự dung hợp lẫn nhau của chúng, dần dần đã hình thành nên kết cấu văn hóa “tam giáo hợp nhất” ở thời Trung Quốc cổ đại. Thông qua việc gạt bỏ cái thô chất lọc lấy cái tinh, bỏ đi cái giả dối giữ lấy cái chân thật trong quá trình nghiên cứu mang tính khách thể, từ đó có thể thu được những tư liệu cần thiết và những quan điểm có ích. Bình luận học tôn giáo còn chưa hình thành được một hệ thống hoàn chỉnh, hiện nay còn hạn chế ở việc phê bình của vô thần luận đối với hữu thần luận và tôn giáo, trong đó bao gồm phê bình thực tiễn và phê bình lí luận, đồng thời cũng bao gồm cả phê bình chủ nghĩa hư vô và phê bình khoa học. Còn vô thần luận của chủ nghĩa Mác là vô thần luận khoa học, nó có thái độ khoa học thực sự cầu thị đối với phê bình tôn giáo. Nội dung bình luận học của các phương diện khác, hiện nay còn ở trạng thái hết sức phân tán, còn chờ đợi những phạm trù được tự giác đưa vào bình luận học tôn giáo, để xây dựng hệ thống tương đối hoàn bị và có ích cho nghiên cứu mang tính khách thể đối với tôn giáo.

Trên đây đều là phương pháp của những bộ môn chuyên ngành cụ thể, từ những góc nhìn khác nhau để nghiên cứu các tầng diện khác nhau của tôn giáo, điều này có lợi cho nghiên cứu tổng hợp có tính lập thể, nhiều tầng diện đối với tôn giáo, và hoàn thành nhiệm vụ to lớn là từ chỉnh thể để nghiên cứu tôn giáo.

(Kì sau đăng tiếp)

Người dịch: Trần Nghĩa Phương